

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông lĩnh vực Trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4647/QĐ-BNN-TT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 210/TTr-SNN ngày 21/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 06 thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt 06 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục

hành chính theo cơ chế một cửa liên thông lĩnh vực Trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này xây dựng, cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Các phòng TH, KT, TTTT, TT PVHCC;
- Lưu: VT, TTPVHCC(TTPL).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Xuân Huyền

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số 1992 /QĐ-UBND ngày 30 /11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

| Số TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Căn cứ pháp lý |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01 | Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (1.012001) | 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> | <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp.</p> <p>- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.langson.gov.vn/</p> | <p>Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ</p> |
| 02 | Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (1.012002) | <p>- 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ.</p> | | | |
| 03 | Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (1.012003) | 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | | | |

| | | | | | |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 04 | Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (1.012004) | <p>- 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp Giấy chứng nhận bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với cây trồng.</p> | <p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> | <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp.</p> <p>- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.langson.gov.vn/</p> | <p>Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ</p> |
| 05 | Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (1.011999) | 02 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | | | |
| 06 | Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (1.012000) | 02 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | | | |

(Danh mục ấn định 06 TTHC).

Phụ lục II

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1992 /QĐ-UBND ngày 30 /11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (06 TTHC)

| STT | Tên thủ tục hành chính | Cơ quan thực hiện |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng | - UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và PTNT; - Chi cục Trồng trọt và BVTV. |
| 2 | Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng | |
| 3 | Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng | |
| 4 | Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng | |
| 5 | Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân | |
| 6 | Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân | |

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức Bộ phận Một cửa: CCMC
- Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: NN&PTNT
- Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: TT&BVTV
- Trồng trọt - Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật: TT-BV&KDTV

1. Nhóm 02 TTHC, gồm:

- **Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng**
- **Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng**

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 30 ngày

| TT | Trình tự thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------|
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng TT-BV&KDTV, Chi cục TT&BVTV | CCMC của Sở tại TTPVHCC | 1/2 ngày |
| B2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng TT&BVTV | 01 ngày |
| B3 | Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu dự thảo văn bản trình lãnh đạo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ cần giải trình và bổ sung thêm, Soạn dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để cá nhân, tổ chức ý kiến sửa chữa thiếu sót | Chuyên viên Phòng TT-BV&KDTV | 07 ngày |
| B4 | Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV | Lãnh đạo Phòng TT-BV&KDTV | 02 ngày |
| B5 | Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&PTNT | Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV | 02 ngày |
| B6 | Xem xét nội dung xử lý, trình UBND ra quyết định | Lãnh đạo Sở NN&PTNT | 07 ngày |

| TT | Trình tự thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện |
|----------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| B7 | Phát hành văn bản, gửi UBND tỉnh | Văn thư Sở | 1/2 ngày |
| B8 | Xem xét, quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC | Lãnh đạo UBND tỉnh | 10 ngày |
| B9 | Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi | CCMC tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| Tổng thời gian giải quyết | | | 30 ngày |

2. Nhóm 02 TTHC, gồm:

- **Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng**
- **Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng**

- Trường hợp 1:

+ Thẻ giám định viên, Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ v.v...) đến mức không sử dụng được;

+ Thông tin được ghi nhận trong Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng có sự thay đổi về họ tên, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ;

+ Có sự thay đổi liên quan đến các thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại điểm c1 khoản 2 Điều 113 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 15 ngày

- **Trường hợp 2:** Thẻ giám định viên, Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận gây ra.

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 05 ngày làm việc.

| TT | Trình tự thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện | |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|----------|
| | | | TH1 | TH2 |
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng TT-BV&KDTV, Chi cục TT&BVTV | CCMC của Sở tại TTPVHCC | 1/2 ngày | 1/4 ngày |
| B2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng TT&BVTV | 1/2 ngày | 1/4 ngày |

| TT | Trình tự thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện | |
|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------|-------------------------|
| | | | TH1 | TH2 |
| B3 | Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu dự thảo văn bản trình lãnh đạo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ cần giải trình và bổ sung thêm, dự thảo thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên, Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng ý kiến sửa chữa thiếu sót. | Chuyên viên Phòng TT-BV&KDTV, Chi cục TT&BVTV | 03 ngày | 01 ngày |
| B4 | Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV | Lãnh đạo Phòng TT-BV&KDTV | 01 ngày | 1/2 ngày |
| B5 | Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&PTNT | Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV | 02 ngày | 1/4 ngày |
| B6 | Xem xét nội dung xử lý, trình UBND ra quyết định cấp lại Thẻ giám định viên | Lãnh đạo Sở NN&PTNT | 2,5 ngày | 1/2 ngày |
| B7 | Phát hành văn bản, gửi UBND tỉnh | Văn thư Sở | 1/2 ngày | 1/4 ngày |
| B8 | Xem xét, quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC | Lãnh đạo UBND tỉnh | 05 ngày | 02 ngày |
| B9 | Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi | CCMC tại TTPVHCC | Không tính thời gian | |
| Tổng thời gian giải quyết | | | 15 ngày | 05 ngày làm việc |

3. Nhóm 02 TTHC, gồm:

- Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân

- Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân

Thời gian thực hiện 01 TTHC theo quy định: 60 ngày.

| TT | Trình tự thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng TT-BV&KDTV, Chi cục TT&BVTV | CCMC của Sở tại TTPVHCC | 1/2 ngày |
| B2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng TT&BVTV | 1/2 ngày |
| B3 | Thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu dự thảo văn bản thông báo yêu cầu thu hồi, trình lãnh đạo. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho tổ chức cá nhân trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nêu rõ lý do. | Chuyên viên Phòng TT-BV&KDTV, Chi cục TT&BVTV | 05 ngày |
| B4 | Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV | Lãnh đạo Phòng TT-BV&KDTV | 01 ngày |
| B5 | Xem xét văn bản, trình Lãnh đạo Sở NN&PTNT | Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV | 01 ngày |
| B6 | Xem xét nội dung xử lý, trình UBND tỉnh | Lãnh đạo Sở NN&PTNT | 01 ngày |
| B7 | Phát hành văn bản gửi UBND tỉnh | Văn thư Sở | 1/2 ngày |
| B8 | Xem xét, ban hành Thông báo yêu cầu thu hồi và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức, cá nhân có ý kiến gửi về Sở NN&PTNT | Lãnh đạo UBND tỉnh | 05 ngày |
| B9 | Tổng hợp ý kiến, dự thảo Quyết định thu hồi hoặc Quyết định từ chối thu hồi (trong đó gồm thời gian 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức, cá nhân có ý kiến) | Chuyên viên Phòng TT-BV&KDTV, | 34 ngày |
| B10 | Xem xét văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Chi cục | Lãnh đạo Phòng TT-BV&KDTV | 1,5 ngày |

| TT | Trình tự thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện |
|----------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------|
| B11 | Xem xét văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở | Lãnh đạo Chi cục TT&BVTV | 01 ngày |
| B12 | Duyệt hồ sơ, ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh | Lãnh đạo Sở NN&PTNT | 1,5 ngày |
| B13 | Phát hành văn bản; gửi đến UBND tỉnh | Văn thư Sở | 1/2 ngày |
| B14 | Xem xét, quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC | Lãnh đạo UBND tỉnh | 07 ngày |
| B15 | Trả kết quả giải quyết TTHC. Thống kê và theo dõi | CCMC tại TTPVHCC | Không tính thời gian |
| Tổng thời gian giải quyết | | | 60 ngày |
